

Bản tin

về Thuế, Kế toán và Kinh doanh

Tháng 3/2026

CẬP NHẬT PHÁP LUẬT VỀ THUẾ

- Nghị định 72/2026/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 09 tháng 03 năm 2026 sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng xăng dầu, nguyên liệu sản xuất xăng, dầu tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan.
- Thông tư 18/2026/TT-BTC ngày 05 tháng 03 năm 2026, quy định về hồ sơ, thủ tục quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 03 năm 2026.
- Nghị định 68/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 03 năm 2026, quy định về chính sách thuế và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 03 năm 2026.
- Quyết định 482/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng mức thuế bảo vệ môi trường, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng, dầu và nhiên liệu bay trong trường hợp cần thiết vì lợi ích quốc gia.
- Công văn 33/TMĐT-QLT3 ngày 06 tháng 03 năm 2026 của Cục Thuế về chính sách thuế GTGT.
- Công văn 1706/CT-CS ngày 24 tháng 03 năm 2026 của Cục Thuế về thuế GTGT và hoá đơn.
- Công văn 1712/CT-CS ngày 24 tháng 03 năm 2026 của Cục Thuế về trả lời phản ánh kiến nghị của công dân.
- Công văn 1831/CT-CS ngày 26 tháng 03 năm 2026 của Cục Thuế về chính sách thuế GTGT.
- Công văn 1061/CT-CS ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Cục Thuế về hoá đơn.
- Công văn 654/TNI-QLDN1 ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Cục Thuế Tỉnh Tây Ninh về chính sách thuế TNDN.

CẬP NHẬT PHÁP LUẬT VỀ THUẾ

Nghị định 72/2026/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 09 tháng 03 năm 2026 sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng xăng dầu, nguyên liệu sản xuất xăng, dầu tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan.

Các mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi mới quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này:

Cụ thể, giảm thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi từ 10% xuống 0% đối với xăng động cơ không pha chì (các mã HS 2710.12.21 – Chưa pha chế); 2710.12.22 – Pha chế với ethanol; 2710.12.24 – Chưa pha chế; 2710.12.25 – Pha chế với ethanol) và các nguyên liệu pha chế xăng như naphtha, reformate (mã HS 2710.12.80).

Thuế nhập khẩu ưu đãi cũng được giảm từ 7% xuống 0% đối với các mặt hàng nhiên liệu diesel, dầu nhiên liệu, nhiên liệu động cơ máy bay và kerosene.

Ngoài ra, một số nguyên liệu hóa dầu như xylen, condensate, p-xylen được giảm thuế từ 3% xuống 0%, còn hydrocarbon mạch vòng loại khác giảm từ 2% xuống 0%.

Việc giảm thuế nhập khẩu xăng dầu về 0% là biện pháp nhằm ổn định thị trường xăng dầu trong nước khi thị trường năng lượng thế giới biến động, tạo điều kiện để giá xăng dầu trong nước thấp hơn so với khi chưa giảm thuế.

Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 30 tháng 4 năm 2026. Sau ngày Nghị định này hết hiệu lực, mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng xăng, dầu, nguyên liệu sản xuất xăng, dầu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 26/2023/NĐ-CP, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

Trường hợp đáp ứng yêu cầu cấp bách về đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội, ổn định thị trường xăng, dầu cần phải kéo dài thời gian có hiệu lực của Nghị định, Bộ Công Thương có ý kiến đề xuất gửi Bộ Tài chính chủ trì, tổng hợp trình Chính phủ ban hành Nghị quyết quy phạm pháp luật để kéo dài thời hạn áp dụng của Nghị định này.



Thông tư 18/2026/TT-BTC ngày 05 tháng 03 năm 2026, quy định về hồ sơ, thủ tục quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 03 năm 2026.

1. Thông tư 40/2021/TT-BTC chính thức hết hiệu lực:

Kể từ ngày 05/03/2026 Thông tư 18/2026/TT-BTC thay thế Thông tư 40/2021/TT-BTC hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

2. Các điều khoản chuyển tiếp bảo vệ người nộp thuế:

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong giai đoạn chuyển giao giữa luật cũ và mới, Thông tư quy định một số hướng dẫn quan trọng:

- Với hoạt động cho thuê tài sản/bất động sản: Khai điều chỉnh doanh thu thực tế phát sinh năm 2025 theo Mẫu 01/TTS (thuộc Thông tư 40/2021/TT-BTC), và bắt đầu khai doanh thu năm 2026 theo Mẫu số 01/BDS ban hành kèm Thông tư mới này.
- Nếu người nộp thuế đã khai và nộp thuế theo Thông tư 40/2021/TT-BTC thì không cần điều chỉnh lại. Nếu chưa khai thuế, việc thực hiện theo hồ sơ, thủ tục của Thông tư mới sẽ không bị xử phạt.

CẬP NHẬT PHÁP LUẬT VỀ THUẾ

- Đặc biệt, hoạt động cho thuê tài sản được phép khai điều chỉnh doanh thu năm 2025 theo mẫu cũ (Mẫu 01/TTS) và chỉ dùng mẫu mới (Mẫu 01/BDS) từ năm 2026 trở đi. Đồng thời, hộ kinh doanh cần lưu ý gửi Bảng kê hàng tồn kho, máy móc, thiết bị theo Mẫu số 01/BK-HTK.

3. Quy định cụ thể hồ sơ thông báo doanh thu, kê khai thuế:



Hồ sơ thông báo doanh thu, kê khai thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh:

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng, không phải nộp thuế thu nhập cá nhân (bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mới ra kinh doanh) thông báo doanh thu thực tế phát sinh trong năm và kê khai các loại thuế khác theo Mẫu số 01/TKN-CNKD ban hành kèm theo Thông tư này.
- Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân theo

phương pháp thuế suất nhân (x) với doanh thu tính thuế, hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế khác là Tờ khai theo Mẫu số 01/CNKD ban hành kèm theo Thông tư này.

- Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân theo phương pháp thu nhập tính thuế nhân (x) với thuế suất
 - Hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế khác trong năm là Tờ khai theo Mẫu số 01/CNKD ban hành kèm theo Thông tư này.
 - Hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân là Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo Mẫu số 02/CNKD-TNCN-QTT ban hành kèm theo Thông tư này.
- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đang hoạt động thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 4 Điều 17 Nghị định 68/2026/NĐ-CP gửi Thông báo số tài khoản/số hiệu ví điện tử theo Mẫu số 01/BK-STK ban hành kèm theo Thông tư này chậm nhất là ngày 20 tháng 4 năm 2026.
- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đang hoạt động thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 17 Nghị định 68/2026/NĐ-CP gửi Thông báo số tài khoản/số hiệu ví điện tử theo Mẫu số 01/BK-STK ban hành kèm theo Thông tư này kèm theo Tờ khai thuế đầu tiên của năm 2026.
- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mới ra kinh doanh gửi Thông báo số tài khoản/số hiệu ví

điện tử theo mẫu số 01/BK-STK ban hành kèm theo Thông tư này kèm theo Thông báo doanh thu hoặc Tờ khai thuế đầu tiên của năm 2026.

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh khi thay đổi thông tin số tài khoản/số hiệu ví điện tử thì thông báo cho cơ quan thuế theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

4. Quy định mới về hồ sơ đề nghị hoàn thuế nộp thừa:



Theo Điều 5 Thông tư 18/2026/TT-BTC quy định hồ sơ đề nghị hoàn thuế nộp thừa như sau:

- Hồ sơ đề nghị hoàn thuế nộp thừa đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế thu nhập cá nhân theo phương pháp thuế suất nhân (x) với doanh thu tính thuế là Tờ khai thuế theo Mẫu số 01/TKN-CNKD ban hành kèm theo Thông tư 18/2026/TT-BTC.
- Hồ sơ đề nghị hoàn thuế nộp thừa đối với hộ

CẬP NHẬT PHÁP LUẬT VỀ THUẾ

kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế thu nhập cá nhân theo phương pháp thu nhập tính thuế nhân (x) với thuế suất là Tờ khai thuế theo Mẫu số 02/QTT-TNCN-CNKD ban hành kèm theo Thông tư 18/2026/TT-BTC.

Nghị định 68/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 03 năm 2026, quy định về chính sách thuế và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 03 năm 2026.

1. Chính sách thuế GTGT đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh:

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hoạt động sản xuất, kinh doanh có mức doanh thu năm từ 500 triệu đồng trở xuống thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.
- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hoạt động sản xuất, kinh doanh có mức doanh thu năm trên 500 triệu đồng thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng và áp dụng phương pháp tính trực tiếp theo doanh thu bằng tỷ lệ % nhân (x) doanh thu. Tỷ lệ % và doanh thu tính thuế thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Chính sách thuế TNCN đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh:



- Cá nhân cư trú có hoạt động sản xuất, kinh doanh, bao gồm cả cá nhân đăng ký thành lập hộ kinh doanh hoặc người được các thành viên hộ gia đình ủy quyền làm người đại diện hộ kinh doanh (sau đây gọi là cá nhân kinh doanh) có mức doanh thu năm từ 500 triệu đồng trở xuống không phải nộp thuế thu nhập cá nhân.
- Cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên mức doanh thu quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện nộp thuế theo quy định tại Điều 7 Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15.
- Đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15:
 - Trường hợp cá nhân có nhiều ngành, nghề kinh doanh áp dụng các mức thuế suất thuế thu nhập cá nhân khác nhau hoặc có nhiều địa điểm kinh doanh thì cá nhân được áp dụng mức trừ 500 triệu đồng trước khi tính

thuế thu nhập cá nhân đối với một hoặc một số ngành, nghề kinh doanh hoặc địa điểm kinh doanh do cá nhân lựa chọn theo phương án có lợi nhất, nhưng tổng mức trừ không vượt quá 500 triệu đồng trong một năm đối với doanh thu của toàn bộ hoạt động kinh doanh quy định tại khoản này.

- Trường hợp doanh thu từ ngành, nghề kinh doanh hoặc địa điểm kinh doanh được lựa chọn chưa trừ đủ 500 triệu đồng, cá nhân được trừ tiếp mức chưa trừ hết vào doanh thu của một hoặc một số ngành, nghề kinh doanh hoặc địa điểm kinh doanh khác cho đến khi tổng mức trừ đủ 500 triệu đồng.
- Đối với cá nhân cho thuê bất động sản nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15:
 - Trường hợp cá nhân có nhiều bất động sản cho thuê ở các địa điểm khác nhau, cá nhân được trừ 500 triệu đồng trước khi tính thuế thu nhập cá nhân đối với một hoặc một số hợp đồng cho thuê bất động sản do cá nhân lựa chọn nhưng tổng mức được trừ không quá 500 triệu đồng một năm đối với tất cả hợp đồng cho thuê bất động sản. Trường hợp hợp đồng cho thuê bất động sản được lựa chọn chưa trừ đủ 500 triệu đồng, cá nhân được tiếp tục lựa chọn các hợp đồng cho thuê bất động sản khác để được trừ tiếp cho đến khi trừ đủ 500 triệu đồng;
 - Trường hợp cá nhân có nhiều bất động sản

CẬP NHẬT PHÁP LUẬT VỀ THUẾ

cho thuê ở các địa điểm khác nhau và có quy định bên đi thuê khai thay, nộp thay thuế, khi lựa chọn hợp đồng cho thuê bất động sản để áp dụng mức được trừ khi tính thuế thu nhập cá nhân, cá nhân cho thuê bất động sản và bên đi thuê phải quy định rõ trong hợp đồng cho thuê bất động sản nội dung khai thay, nộp thay thuế và số tiền được trừ khi tính thuế thu nhập cá nhân. Trường hợp hợp đồng cho thuê bất động sản có quy định khai thay, nộp thay thuế nhưng chưa trừ đủ 500 triệu đồng thì cá nhân được tiếp tục lựa chọn các hợp đồng cho thuê bất động sản khác để tiếp tục được trừ cho đến khi trừ đủ 500 triệu đồng.



- Phương pháp tính thuế:

- Phương pháp tính thuế thu nhập cá nhân theo thuế suất nhân (x) doanh thu tính thuế áp dụng đối với cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên 500 triệu đồng đến 03 tỷ đồng.

Thuế suất thuế thu nhập cá nhân áp dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15;

- Phương pháp tính thuế thu nhập cá nhân theo thu nhập tính thuế nhân (x) thuế suất áp dụng đối với cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên 03 tỷ đồng và trường hợp cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên 500 triệu đồng đến 03 tỷ đồng lựa chọn phương pháp này. Thu nhập tính thuế được xác định bằng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra trừ (-) chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ tính thuế. Thuế suất thuế thu nhập cá nhân áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15;

Doanh thu, chi phí xác định theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị định này;

- Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu trên 03 tỷ đồng hoặc có doanh thu năm trên 500 triệu đồng đến 03 tỷ đồng đang áp dụng phương pháp tính thuế thu nhập cá nhân theo thu nhập tính thuế nhân (x) thuế suất thì thực hiện ổn định phương pháp tính thuế trong 02 năm liên tục kể từ năm đầu tiên áp dụng. Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên 500 triệu đồng đến 03 tỷ đồng đang áp dụng phương pháp tính thuế thu nhập cá nhân theo thuế suất nhân (x) doanh thu tính thuế, nếu hết năm xác định doanh thu thực tế năm trên 03 tỷ đồng thì từ năm tiếp theo phải chuyển sang áp dụng phương pháp tính

thuế thu nhập cá nhân theo thu nhập tính thuế nhân (x) thuế suất.

3. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thuế thu nhập cá nhân

- Các khoản chi được trừ là các khoản chi phí thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, có đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về hóa đơn, chứng từ, pháp luật về kế toán và chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với các khoản thanh toán từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên theo pháp luật về thuế giá trị gia tăng, cụ thể như sau:
 - Chi phí nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hóa sử dụng vào sản xuất, kinh doanh;
 - Chi phí tiền lương, tiền công, tiền thưởng, các khoản phụ cấp, bảo hiểm bắt buộc và các khoản chi trả cho người lao động có đóng bảo hiểm bắt buộc theo quy định; chi phí tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp và các khoản chi trả cho người lao động dưới 01 tháng;
 - Chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh. Mức trích khấu hao tài sản cố định được tính vào chi phí hợp lý theo quy định về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định áp dụng đối với doanh nghiệp. Trường hợp tài sản cố định đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn tiếp tục được sử dụng cho sản xuất, kinh doanh thì không được trích khấu hao;

CẬP NHẬT PHÁP LUẬT VỀ THUẾ

- Chi phí dịch vụ mua ngoài như điện, nước, điện thoại, internet, vận chuyển, thuê tài sản, sửa chữa, bảo dưỡng có hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật;
 - Chi phí trả lãi tiền vay vốn sản xuất, kinh doanh của tổ chức tín dụng theo lãi suất thực tế. Chi phí trả lãi tiền vay vốn sản xuất, kinh doanh của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng không vượt quá mức quy định tại Bộ luật Dân sự;
 - Các khoản chi khác phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập tính thuế:
 - Khoản chi không liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh;
 - Các khoản chi không có đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật;
 - Khoản tiền lương, tiền công và các khoản chi có tính chất tiền lương của cá nhân kinh doanh, nhóm cá nhân kinh doanh, các thành viên trong hộ kinh doanh trừ các khoản đóng góp bảo hiểm bắt buộc; khoản tiền lương, tiền công và các khoản chi có tính chất tiền lương đã tính vào chi phí nhưng thực tế không chi trả hoặc không có chứng từ thanh toán;
 - Phần chi khấu hao tài sản cố định vượt mức quy định hoặc khấu hao đối với tài sản cố định không sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh;

- Các khoản chi phạt vi phạm hành chính, phạt vi phạm hợp đồng, tiền bồi thường do lỗi của cá nhân kinh doanh;
- Đất ở và công trình phục vụ sinh hoạt trên đất, xe ô tô và các tài sản đăng ký sở hữu hoặc đăng ký sử dụng mang tên cá nhân, trừ xe ô tô và các tài sản đăng ký sở hữu hoặc đăng ký sử dụng với mục đích kinh doanh vận tải, du lịch;
- Các khoản chi phí phục vụ nhu cầu cá nhân, gia đình. Cá nhân kinh doanh có trách nhiệm theo dõi riêng chi phí.

4. Quy định về sử dụng hóa đơn điện tử hộ kinh doanh 2026

Căn cứ khoản 5 Điều 8 Nghị định 68/2026/NĐ-CP Tài về quy định về sử dụng hóa đơn điện tử hộ kinh doanh như sau:

- Hộ kinh doanh có doanh thu tính thuế giá trị gia tăng hằng năm từ 01 tỷ đồng trở lên thì phải áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.

Trường hợp hộ kinh doanh có nhiều địa điểm kinh doanh thì sử dụng mã số thuế của hộ kinh doanh cho tất cả các cửa hàng và phải ghi rõ địa chỉ của từng địa điểm kinh doanh trên hóa đơn;



- Hộ kinh doanh có doanh thu tính thuế giá trị gia tăng năm trên 500 triệu đồng và dưới 01 tỷ đồng không bắt buộc sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế. Trường hợp đáp ứng điều kiện và có nhu cầu sử dụng hóa đơn điện tử thì đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế. Trường hợp hộ kinh doanh không đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử, có nhu cầu sử dụng hóa đơn điện tử thì thực hiện khai và nộp thuế trước khi được cơ quan thuế cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ;
- Hộ kinh doanh mới ra kinh doanh tại Điều 9 Nghị định 68/2026/NĐ-CP hoặc hộ kinh doanh có doanh thu tính thuế giá trị gia tăng năm trước chưa đến 01 tỷ đồng nhưng trong năm tính thuế

CẬP NHẬT PHÁP LUẬT VỀ THUẾ

có doanh thu tính thuế giá trị gia tăng từ 01 tỷ đồng trở lên thì phải áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế. Hộ kinh doanh đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử trong thời gian 30 ngày kể từ ngày cuối cùng của kỳ tính thuế có doanh thu tính thuế giá trị gia tăng lũy kể từ 01 tỷ đồng trở lên.

Quyết định 482/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng mức thuế bảo vệ môi trường, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng, dầu và nhiên liệu bay trong trường hợp cần thiết vì lợi ích quốc gia.



Theo đó, Quyết định 482/QĐ-TTg năm 2026 quy định về mức thuế bảo vệ môi trường, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng, dầu và nhiên liệu bay như sau:

- Mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng (trừ etanol), dầu diesel và nhiên liệu bay là 0 đồng/lít.
- Xăng, dầu diesel và nhiên liệu bay thuộc đối tượng không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng nhưng được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào.
- Mức thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng các loại là 0%.

Quyết định 482/QĐ-TTg năm 2026 có hiệu lực thi hành kể từ 24 giờ 00 phút ngày 26/3/2026 đến hết ngày 15/4/2026.

Trong thời gian Quyết định 482/QĐ-TTg năm 2026 có hiệu lực thi hành:

- Các văn bản quy phạm pháp luật có quy định mức thuế bảo vệ môi trường, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng, dầu và nhiên liệu bay khác quy định tại Quyết định 482/QĐ-TTg năm 2026 thì thực hiện theo quy định của Quyết định 482/QĐ-TTg năm 2026.
- Cơ sở kinh doanh, người nhập khẩu xăng, dầu diesel và nhiên liệu bay không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng khi bán ra và ở khâu nhập khẩu.
- Các nội dung khác mức thuế quy định tại Quyết định 482/QĐ-TTg năm 2026 được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về thuế, pháp

luật về quản lý thuế và pháp luật có liên quan.

Công văn 33/TMĐT-QLT3 ngày 06 tháng 03 năm 2026 của Cục Thuế về chính sách thuế GTGT.



Theo Công văn này:

- Trường hợp Công ty ký hợp đồng với khách hàng Việt Nam để cung cấp dịch vụ logistics được thực hiện (diễn ra) tại nước ngoài không thuộc diện điều chỉnh của pháp luật thuế GTGT.
- Trường hợp Công ty cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa theo chặng quốc tế từ Việt Nam ra nước ngoài hoặc từ nước ngoài đến Việt Nam, hoặc cả điểm đi và đến ở nước ngoài, bao gồm cả chặng vận tải nội địa thì vận tải quốc tế bao gồm cả chặng nội địa, thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% nếu đáp ứng đủ điều

CẬP NHẬT PHÁP LUẬT VỀ THUẾ

kiện quy định tại khoản 3 Điều 18 và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 17 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025.

- Các dịch vụ khác liên quan đến dịch vụ logistics thực hiện tại Việt Nam thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 10% theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Luật Thuế GTGT.

Công văn 1706/CT-CS ngày 24 tháng 03 năm 2026 của Cục Thuế về thuế GTGT và hoá đơn.

Theo Công văn này, trước thời điểm 1/7/2025, trường hợp doanh nghiệp được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ) cấp giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động, ký hợp đồng trực tiếp với người lao động nhưng không trực tiếp sử dụng người lao động mà cho các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, hợp tác xã, cá nhân khác thuê lại lao động và hưởng phí dịch vụ cho thuê lại lao động; người lao động làm việc tại đơn vị thuê lại, chịu sự quản lý và điều hành của bên thuê lại lao động, được hưởng lương và các chế độ khác theo quy chế của bên thuê lại lao động; hằng tháng bên thuê lại lao động chuyển tiền cho doanh nghiệp cho thuê lại lao động để thanh toán tiền lương, tiền thưởng, trợ cấp, phụ cấp và trích, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn cho người lao động, thì khoản tiền mà bên thuê lại lao động chuyển cho doanh nghiệp cho thuê lại lao động để thanh toán tiền lương, tiền thưởng, trợ cấp, phụ cấp và trích, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y

tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn cho người lao động có tính chất thu hộ, chi hộ không phải là doanh thu của doanh nghiệp cho thuê lại lao động được hưởng, thuộc diện không phải kê khai, nộp thuế GTGT.

Trường hợp nếu không đáp ứng quy định về hoạt động cho thuê lại lao động theo pháp luật về lao động hoặc doanh nghiệp cho thuê lại lao động không tự xác định riêng từng loại dịch vụ trong đó có khoản thu hộ, chi hộ để áp dụng mức thuế suất GTGT quy định tương ứng thì phải tính và nộp thuế GTGT theo mức thuế suất GTGT cao nhất của các dịch vụ này theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.



Công văn 1712/CT-CS ngày 24 tháng 03 năm 2026 của Cục Thuế về trả lời phản ánh kiến nghị của công dân.



Theo Công văn này, trường hợp doanh nghiệp sản xuất, thương mại, dịch vụ thông thường (không phải tổ chức tín dụng hoặc đại lý kinh doanh ngoại tệ) có nguồn thu ngoại tệ từ nước ngoài (do xuất khẩu hàng hóa, cung cấp dịch vụ, hoặc nhận thanh toán bằng ngoại tệ) sau đó bán lại (quy đổi) ngoại tệ sang Việt Nam đồng tại các Ngân hàng thương mại thì khoản chênh lệch do tỷ giá không thuộc đối tượng điều chỉnh của pháp luật về thuế GTGT và không phải lập hóa đơn đối với hoạt động không phải là hoạt động bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Thu nhập từ hoạt động bán ngoại tệ được xác định theo quy định của pháp luật về thuế TNDN tại thời điểm phát sinh.

Công văn 1831/CT-CS ngày 26 tháng 03 năm 2026 của Cục Thuế về chính sách thuế GTGT.

CẬP NHẬT PHÁP LUẬT VỀ THUẾ

Căn cứ khoản 1 Điều 14 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định nguyên tắc xác định giá tính thuế giá trị gia tăng;

Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ (đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP).

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Công ty nhận được các khoản thu về bồi thường bằng tiền không phải bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ thì không tính thuế GTGT và không phải lập hóa đơn GTGT.

Công văn 1061/CT-CS ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Cục Thuế về hoá đơn.

Theo Công văn này, người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế trong thời hạn 10 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót trong trường hợp trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra hoặc hồ sơ không thuộc phạm vi, thời kỳ thanh tra, kiểm tra thuế nêu tại quyết định thanh tra, kiểm tra thuế.

Đối với những nội dung thuộc phạm vi thanh tra, kiểm tra, người nộp thuế được bổ sung hồ sơ giải trình theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật về thanh tra và các trường hợp thực hiện theo kết luận, quyết định của cơ quan chuyên ngành có thẩm quyền liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ

thuế của người nộp thuế.

Tại Công văn số 6014/TPHCM-QLDN 2 và hồ sơ tài liệu kèm theo của Thuế thành phố Hồ Chí Minh không có thông tin về việc thanh tra, kiểm tra thuế tại Công ty TNHH Tân Trường trong giai đoạn từ năm 2009 đến nay. Tại công văn cũng nêu tính đến nay đã quá thời hạn 10 năm để khai bổ sung hồ sơ khai thuế.

Công văn 654/TNI-QLDN1 ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Cục Thuế Tỉnh Tây Ninh về chính sách thuế TNDN.



Theo công văn này, trường hợp người lao động của Công ty không có tài khoản ngân hàng và thực hiện ủy quyền hợp pháp cho cá nhân khác nhận thay tiền lương, Công ty được phép chi trả vào tài khoản ngân hàng của người được ủy quyền. Khoản chi này được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN nếu

đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

- Về hồ sơ lao động: Có đầy đủ Hợp đồng lao động, Bảng chấm công, Bảng tính lương thể hiện khoản chi thực tế phát sinh phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- Về tính pháp lý của sự ủy quyền: Có Hợp đồng ủy quyền/Giấy ủy quyền được lập theo đúng quy định của pháp luật dân sự (phải được công chứng, chứng thực tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền), trong đó nêu rõ nội dung ủy quyền nhận lương, thông tin nhân thân của người ủy quyền và người được ủy quyền, thông tin tài khoản ngân hàng nhận thay.

DỊCH VỤ CỦA CHÚNG TÔI

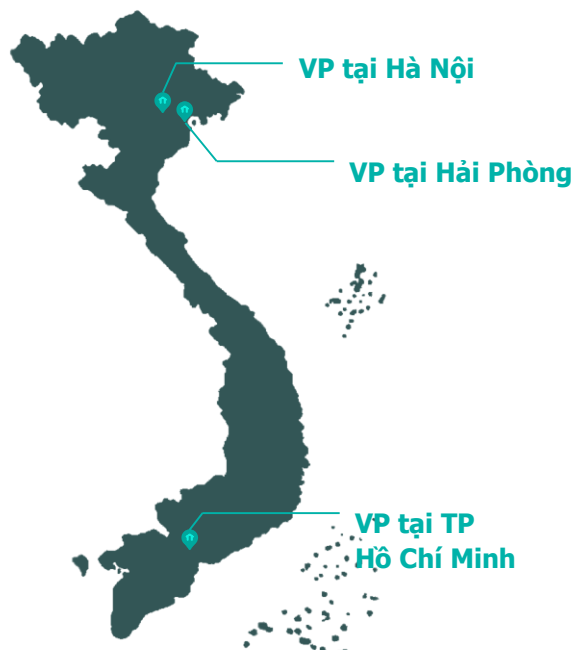
Dịch vụ Kiểm toán và Đảm bảo

Dịch vụ Tư vấn Kế toán và Tài chính Doanh nghiệp

Dịch vụ Tư vấn Thuế trong nước và quốc tế

Dịch vụ Chuyển giá

Dịch vụ Tư vấn doanh nghiệp



LIÊN HỆ

Văn phòng tại Hà Nội

Tầng 10, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội, Việt Nam

Email: nexiastt@nexia.vn

SĐT: +84 24 3935 0990

Văn phòng tại Hải Phòng

Số 245 đường Bạch Đằng, phường Hồng Bàng,
Hải Phòng, Việt Nam

Email: ktanphat@nexia.vn

SĐT: +84 225 3539969/666/555

Văn phòng tại TP Hồ Chí Minh

Số 22 Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Email: nexiastt@nexia.vn

SĐT: +84 28 7 304 3599